

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/KDTM-PT
Ngày: 18/5/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng
hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Minh Bắc
- *Các thẩm phán:* ông Nguyễn Minh Châu
ông Trịnh Hoàng Anh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nga – cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Lê Thị Vẹn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2021/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 01 năm 2021 về: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2020/KDTM-ST ngày 04/12/2020 của Tòa án nhân dân **huyện X** bị kháng cáo; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2021/QĐ-PT ngày 22/3/2021, quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 06/2021/QĐ-PT ngày 20/4/2021, quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 05/2021/QĐ-PT ngày 17/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947, **chủ Doanh nghiệp tư nhân Nh**.

Địa chỉ: **53 Đ, Phường I, thành phố V**, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1974 và **ông Đỗ Thành Tr**, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: **60/4 L, Phường X, thành phố V**, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Theo Giấy ủy quyền ngày 30/11/2020). (đều có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mai Ph, sinh năm 1967, **chủ nhà hàng V**.

Địa chỉ: **Khu phố Ph, thị trấn B, huyện X**, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Viết Th, sinh năm 1963; địa chỉ: **phường Th, thành phố V**, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu + **bà Hoàng Thị Y**, sinh năm 1993; địa chỉ: **Đảo Viên, Quế Võ, Bắc Ninh**. (Theo Giấy ủy quyền ngày 09/3/2021)

Địa chỉ liên hệ: **kh. Kh, Phường Y, thành phố V**, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (đều có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Công ty TNHH H.**

Đại diện theo pháp luật: **Bà Lương Thị Thu Th**, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: **Đường T, Phường K, Quận J**, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người kháng cáo: bị đơn **Bà Nguyễn Thị Mai Ph.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H và người đại diện trình bày:

Bà là **chủ Doanh nghiệp tư nhân Nh** - đại lý phân phối rượu của **Công ty TNHH H** tại địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngày 19/01/2015, **Doanh nghiệp tư nhân Nh** bán cho **Bà Nguyễn Thị Mai Ph - Chủ nhà hàng V** tại **thị trấn B, huyện X**, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu số lượng rượu trị giá là 69.924.000 đồng. Hai bên không làm hợp đồng mua bán mà **bà Ph** gọi điện thoại đặt hàng, yêu cầu giao hàng. Nhân viên của **Doanh nghiệp tư nhân Nh** đã giao cho **bà Ph** và nhân viên **nhà hàng V**, kiểm tra và ký nhận vào Hóa đơn bán lẻ của **DNTN Nh** số lượng rượu gồm:

1. Nếp Chifon số lượng 02 thùng giá trị là 576.000 đồng;
 2. Chuối hột số lượng 02 thùng giá trị là 576.000 đồng;
 3. Chusa số lượng 02 thùng giá trị là 1.404.000 đồng;
 4. Vodka trắng số lượng 02 thùng giá trị là 1.824.000 đồng;
 5. Vodka đen số lượng 02 thùng giá trị là 2.256.000 đồng;
 6. Vang số lượng 02 thùng giá trị là 1.584.000 đồng;
 7. Chanvas Whisky số lượng 02 thùng giá trị là 2.304.000 đồng;
 8. Whisky rad số lượng 02 thùng giá trị là 6.000.000 đồng;
 9. Whisky Chifons số lượng 10 thùng giá trị là 14.400.000 đồng;
 10. Napo gold số lượng 10 thùng giá trị là 14.400.000 đồng;
 11. Napo drany số lượng 10 thùng giá trị là 14.400.000 đồng;
 12. Linh chi red số lượng 05 thùng giá trị là 10.200.000 đồng.
- Tổng cộng số tiền của lô hàng trên là 69.924.000 đồng.

Sau khi chiết khấu 10% giá trị đơn hàng, **bà Ph** chỉ phải thanh toán cho **Doanh nghiệp tư nhân Nh** 62.933.000 đồng. **Bà Ph** đã thanh toán 22.933.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng. Nhân viên của **bà Ph** (không rõ họ tên, địa chỉ) đã ký chữ ký “**Ng. T. Mai Ph**” vào mặt sau của hóa đơn bán lẻ xác nhận số tiền đã thanh toán trước, số tiền còn nợ lại.

Doanh nghiệp tư nhân Nh không biết việc **bà Ph** và **Công ty TNHH H** thỏa thuận tiền làm kệ tủ trưng bày rượu, nên không đồng ý việc **bà Ph** trừ 10.000.000 đồng tiền làm kệ tủ.

Đã nhiều lần **Doanh nghiệp tư nhân Nh** nhắc nhở nhưng **bà Ph** không thanh toán số nợ trên.

Nay bà khởi kiện yêu cầu **bà Ph** phải thanh toán 30.000.000 đồng tiền rượu còn nợ, 10.000.000 đồng tiền tử trưng bày và lãi chậm thanh toán từ ngày 19/01/2015 đến ngày 19/11/2020 (70 tháng), với mức lãi suất 10%/năm, tương đương số tiền lãi là 23.330.000 đồng; tổng cộng 63.330.000 đồng.

2. Ý kiến trình bày của bị đơn Bà Nguyễn Thị Mai Ph tại bản khai ngày 25/7/2017; các biên bản lấy lời khai các ngày 26/3/2019, 25/6/2020; phiên hòa giải ngày 31/7/2019 và trong quá trình tố tụng:

Bà không biết **bà H** là ai, không mua bán rượu với **Doanh nghiệp tư nhân Nh**. Trước đây, bà chỉ thỏa thuận hợp tác mua bán rượu với **Công ty TNHH H** do **Bà Lương Thị Thu Th** làm giám đốc, nội dung: Bà phân phối rượu cho **Công ty TNHH H**; công ty cử nhân viên **tên Ngh** (không rõ họ tên, năm sinh, địa chỉ) đến sắp xếp trưng bày rượu tại nhà hàng của bà, đồng ý trích ra 10.000.000 đồng để thuê người thiết kế kệ trưng bày rượu; nếu bà đồng ý nhận lô hàng trên 60.000.000 đồng thì sẽ được khuyến mãi 01 tivi 60inch, trang bị miễn phí tủ kệ trưng bày hàng hóa và công ty sẽ cử 03 nhân viên xuống cùng bà phát triển thị trường.

Ngày 19/01/2015, bà nhận của **Công ty TNHH H** số lượng rượu gồm:

1. Nếp Chifon số lượng 02 thùng giá trị là 576.000 đồng;
2. Chuối hột số lượng 02 thùng giá trị là 576.000 đồng;
3. Chusa số lượng 02 thùng giá trị là 1.404.000 đồng;
4. Vodka trắng số lượng 02 thùng giá trị là 1.824.000 đồng;
5. Vodka đen số lượng 02 thùng giá trị là 2.256.000 đồng;
6. Vang số lượng 02 thùng giá trị là 1.584.000 đồng;
7. Chanvas Whisky số lượng 02 thùng giá trị là 2.304.000 đồng;
8. Whisky rad số lượng 02 thùng giá trị là 6.000.000 đồng;
9. Whisky Chifons số lượng 10 thùng giá trị là 14.400.000 đồng;
10. Napo gold số lượng 10 thùng giá trị là 14.400.000 đồng;
11. Napo drany số lượng 10 thùng giá trị là 14.400.000 đồng;
12. Linh chi red số lượng 05 thùng giá trị là 10.200.000 đồng.

Tổng cộng lô hàng 69.924.000 đồng. **Công ty TNHH H** chiết khấu cho bà 10% nên số tiền phải thanh toán là 62.933.000 đồng.

Hai bên mua bán rượu không làm hợp đồng, mà chỉ thể hiện việc mua bán các loại rượu, số lượng rượu và chốt tiền nợ trong hóa đơn bán lẻ. Người ký trong hóa đơn bán lẻ là nhân viên của bà, hiện đã nghỉ việc và bà không biết ở đâu. Việc giao nhận rượu giữa nhân viên của bà với nhân viên của **Công ty TNHH H**, không liên quan đến **Doanh nghiệp tư nhân Nh**. Sau đó, nhân viên **tên Ngh** của **Công ty TNHH H** đến, cùng nhân viên của bà bán rượu, tiền bán được Ngh thu. Số lượng rượu bán được như sau:

- + Ngày 18/02/2015: 02 thùng Napo gold và 02 chai khuyến mãi;
- + Ngày 02/5/2015: 01 thùng Napo gold và 01 thùng Linh chi Red;
- + Ngày 15/02/2015: 01 thùng Chusa + 01 chai khuyến mãi, 12 chai nếp Chifon + 01 chai khuyến mãi, 12 chai chuối hột + 01 chai khuyến mãi, 01 thùng Napo drany + 01 chai khuyến mãi;
- + Ngày 31/5/2015: 01 thùng Whisky red + 01 chai khuyến mãi.

Công ty TNHH H hứa cử 03 nhân viên xuống hỗ trợ bà bán hàng, nhưng **bà Th**, giám đốc chỉ cử một mình Ngh xuống bán hàng. Sau một thời gian, bà thấy không bán được rượu nên đến gặp trực tiếp **bà Th** yêu cầu chở rượu về nhưng **bà Th** không đến chở về.

Tổng đơn hàng sau khi chiết khấu 10% nhân viên **Công ty TNHH H** chở đến trưng bày tại cửa hàng của bà là 62.933.000 đồng. Bà đã thanh toán 22.933.000 đồng và trừ đi 10.000.000 đồng bà làm kê trưng bày nên chốt lại số nợ là 30.000.000 đồng. Nếu trong thời gian trưng bày, nếu bán hết số rượu này thì bà sẽ thanh toán cho **Công ty TNHH H** số tiền còn nợ lại; trường hợp không bán được rượu thì **Công ty TNHH H** có nghĩa vụ đến chở rượu về.

Hiện nay, số rượu **Công ty TNHH H** trưng bày tại cửa hàng của bà vẫn còn. Bà đề nghị **công ty H** đến lấy về nhưng công ty không lấy.

Bà không biết **Doanh nghiệp tư nhân Nh**, không mua hàng của **Doanh nghiệp tư nhân Nh** nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện đòi thanh toán tiền nợ do mua bán rượu của **Doanh nghiệp tư nhân Nh**. Chữ ký “**Ng. T. Mai Ph**” ở mặt sau hóa đơn bán lẻ ngày 19/01/2015 không phải bà ký. Bà yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trên.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H thể hiện trong văn bản ý kiến ngày 26/10/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:

Doanh nghiệp tư nhân Nh là đại lý phân phối rượu độc quyền của **Công ty TNHH H** tại địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Công ty TNHH H không ký hợp đồng mua bán sản phẩm rượu với **Bà Nguyễn Thị Mai Ph – Chủ nhà hàng V** tại khu phố Láng Sim, **thị trấn B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**.

Doanh nghiệp tư nhân Nh đã thanh toán toàn bộ tiền hàng hóa liên quan đến lô hàng của **Bà Nguyễn Thị Mai Ph** cho **Công ty TNHH H**, nên đề nghị **bà Ph** thanh toán tiền khi mua hàng hóa của **Doanh nghiệp tư nhân Nh**.

Nhà phân phối - **Doanh nghiệp tư nhân Nh** không chịu trách nhiệm về tủ, kê trưng bày sản phẩm rượu đối với **bà Ph**. Vì vậy, **bà Ph** phải thanh toán 10.000.000 đồng tiền tủ kê cho nhà phân phối - **Doanh nghiệp tư nhân Nh**.

4. Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2020/KDTM-ST ngày 04/12/2020, Tòa án nhân dân huyện X quyết định áp dụng Điều 50, khoản 1 Điều 55, Điều 166, Điều 169 và Điều 306 Luật Thương mại; xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn Bà Nguyễn Thị Mai Ph về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”; buộc bà Ph trả cho bà H 63.330.000 đồng (Sáu mươi ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng), gồm nợ gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và lãi 23.330.000 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định, án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ phát sinh do chậm thi hành án theo luật định.

5. Ngày 15/12/2020, bị đơn **Bà Nguyễn Thị Mai Ph** kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 08/2020/KDTM-ST ngày 04/12/2020 của Tòa án nhân dân **huyện X**, vì: bà thỏa thuận hợp tác mua bán rượu với **Công ty TNHH H** của **Bà Lương Thị Thu Th** chứ không biết **Bà Nguyễn Thị H** là ai, không mua rượu của **Doanh nghiệp tư nhân Nh** như khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

6. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác liên quan đến việc giải quyết vụ án, và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

7. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và những người tham gia tố tụng đã công khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm theo hướng: chỉ chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn thanh toán 30.000.000 đồng tiền rượu còn thiếu và lãi phát sinh trên khoản tiền này; không chấp nhận phần khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn thanh toán 10.000.000 đồng khuyến mãi trang bị kệ tủ trưng bày rượu và lãi phát sinh trên số tiền này; các quyết định khác không thay đổi so với nội dung án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị đơn **Bà Nguyễn Thị Mai Ph** đúng theo quy định pháp luật và trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.] *Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:*

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn **Bà Nguyễn Thị H** (chủ **Doanh nghiệp tư nhân Nh** - đại lý phân phối rượu của **Công ty TNHH H** tại địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) khởi

kiện **Bà Nguyễn Thị Mai Ph** (chủ nhà hàng **V**, trú tại **Khu phố Ph, thị trấn B, huyện X**, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) về nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng mua bán hàng hóa (rượu) giữa hai chủ thể có đăng ký kinh doanh và cùng có mục đích lợi nhuận. Tòa án nhân dân **huyện X** thụ lý giải quyết vụ án Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn **Bà Nguyễn Thị Mai Ph** kháng cáo đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2020/KDTM-ST ngày 04/12/2020 của Tòa án nhân dân **huyện X**. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38, các Điều 270, 271, 273, 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[1.2.] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa phúc thẩm, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Công ty TNHH H** vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm mở lại lần thứ hai sau hoãn phiên tòa do vắng mặt đương sự trong vụ án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiếp tục phiên tòa, xét xử vắng mặt đương sự này.

[2.] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu **Bà Nguyễn Thị Mai Ph** thực hiện nghĩa vụ thanh toán và lãi phạt chậm thanh toán phát sinh từ Hợp đồng mua bán hàng hóa (rượu), tổng cộng 63.330.000 đồng (Sáu mươi ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng); gồm: 30.000.000 đồng tiền rượu, 10.000.000 đồng tiền tử trưng bày, 23.330.000 đồng lãi chậm thanh toán tính từ ngày 19/01/2015 đến ngày 19/11/2020 (70 tháng) với lãi suất 10%/năm. **Bà Ph** cho rằng bà không liên hệ thỏa thuận, giao dịch mua bán gì với **Doanh nghiệp tư nhân Nh** của **bà H**, mà chỉ trực tiếp thỏa thuận, mua bán rượu với **Công ty TNHH H** do **Bà Lương Thị Thu Th** làm giám đốc; **bà Th** thực hiện không đúng thỏa thuận về khuyến mãi và cử người hỗ trợ bán rượu, nên việc bán rượu không phát triển được; bà đã yêu cầu trả lại **bà Th** số rượu trưng bày còn lại nhưng không thấy ai đến nhận; nên bà không đồng ý thanh toán theo yêu cầu khởi kiện của **bà H**. **Công ty TNHH H** xác định **Doanh nghiệp tư nhân Nh** của **bà H** là đại lý phân phối rượu độc quyền của công ty tại địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đã thanh toán toàn bộ tiền hàng hóa liên quan đến lô rượu của **bà Ph**, không chịu trách nhiệm về tử, kệ **bà Ph** trưng bày sản phẩm rượu; không ký hợp đồng mua bán rượu với **bà Ph** nên đề nghị **bà Ph** thanh toán cho **Doanh nghiệp tư nhân Nh**, bao gồm 10.000.000 đồng tiền tử kệ trưng bày rượu.

Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.] *Về nguồn luật nội dung áp dụng giải quyết vụ án:*

Hợp đồng mua bán hàng hóa (rượu) giao kết và thực hiện giữa các bên xác lập từ ngày 19/01/2015, là thời điểm Bộ luật Dân sự 2005 đang có hiệu lực, trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật (ngày 01/01/2017). Tuy vậy, giao dịch dân sự vẫn đang được thực hiện do nguyên đơn xác định bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo cam kết, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết vụ án theo quy định về Điều khoản chuyển tiếp tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.] *Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Nguyễn Thị Mai Ph:*

[4.1.] **Bà Ph** xác nhận ngày 19/01/2015 có nhận từ **Công ty TNHH H 12** chủng loại rượu với số lượng như nguyên đơn trình bày; tổng giá trị lô hàng 69.924.000 đồng, nhưng **Công ty TNHH H** chiết khấu cho bà 10% nên số tiền phải thanh toán là 62.933.000 đồng; trừ đi 22.933.000 đồng bà đã thanh toán và 10.000.000 đồng khuyến mãi làm kệ trưng bày rượu nên số nợ còn lại là 30.000.000 đồng.

[4.2.] Hợp đồng phân phối giữa **Công ty TNHH H** và **Doanh nghiệp tư nhân Nh** thể hiện: **Doanh nghiệp tư nhân Nh** là nhà phân phối rượu của **Công ty TNHH H** tại địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Văn bản ý kiến ngày 26/10/2017 của **Công ty TNHH H** cũng xác định thống nhất nội dung này: **Công ty TNHH H** không bán rượu cho **bà Ph** mà nhà phân phối là **Doanh nghiệp tư nhân Nh** bán cho **bà Ph** nên đề nghị **bà Ph** phải thanh toán tiền mua hàng và tiền tử kệ cho **Doanh nghiệp tư nhân Nh**.

[4.3.] Vì thế, đủ cơ sở để xác định ngày 19/01/2015, **bà Ph** mua rượu từ **Doanh nghiệp tư nhân Nh** của **Bà Nguyễn Thị H**, là nhà phân phối sản phẩm rượu của **Công ty TNHH H**, tổng số 69.924.000 đồng và được chiết khấu 10% nên số tiền còn phải trả 62.933.000 đồng. Sau khi nhận hàng, **bà Ph** đã trả 22.933.000 đồng, nên còn nợ lại 30.000.000 đồng tiền mua rượu và 10.000.000 đồng làm tử, kệ trưng bày rượu.

[4.4.] Tuy nhiên theo thỏa thuận giữa bên cung cấp và bên tiêu thụ rượu, như lời trình bày thống nhất giữa bị đơn là **bà Ph** và lời trình bày của nguyên đơn trong giai đoạn đầu tố tụng thông qua Đơn khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, thì đã tồn tại thỏa thuận: bên cung cấp rượu (nguyên đơn) thống nhất khuyến mãi cho bên tiêu thụ rượu (bị đơn) 10.000.000 đồng làm tử, kệ trưng bày rượu đối với đơn hàng từ 60.000.000 đồng trở lên. Đối chiếu với trường hợp cụ thể đang tranh chấp thì bị đơn đủ điều kiện được hưởng khuyến mãi này. Chính vì vậy ban đầu nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 30.000.000 đồng tiền mua rượu còn nợ lại và lãi phạt chậm thanh toán phát sinh từ 30.000.000 đồng này, sau khi đã khấu trừ 10.000.000 đồng khuyến mãi làm tử, kệ trưng bày rượu mà bị đơn được hưởng.

[4.5.] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền nợ từ việc mua rượu cho nguyên đơn

và chịu lãi phát sinh do chậm thanh toán là có căn cứ; nhưng xác định số nợ phải thanh toán bao gồm cả 10.000.000 đồng khuyến mãi làm tử, kê trưng bày rượu mà bị đơn được hưởng là chưa chính xác. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm về số tiền nợ mua bán rượu và lãi phát sinh do chậm thanh toán bị đơn phải thực hiện đối với nguyên đơn. Cụ thể:

+ Nợ gốc: 30.000.000 đồng

+ Lãi tính từ ngày 19/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 04/12/2020, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính từ ngày 19/01/2015 đến ngày 19/11/2020 là 05 năm 10 tháng (70 tháng), áp dụng lãi suất 10%/năm: $30.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 05 \text{ năm} \times 10 \text{ tháng} = 14.500.000 \text{ đồng}$

Tổng cộng: 30.000.000 đồng + 14.500.000 đồng = 44.500.000 đồng

[6]. Về án phí kinh doanh thương mại:

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn (44.500.000 đồng); nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện bổ sung không được chấp nhận (63.330.000 đồng - 44.500.000 đồng = 18.830.000 đồng), nên mỗi bên nộp 3.000.000 đồng bởi giá trị tính án phí đều dưới 60.000.000 đồng. Miễn án phí cho nguyên đơn do thuộc diện người cao tuổi, có yêu cầu xin miễn.

Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần, nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn **Nguyễn Thị Mai Ph**, sửa một phần quyết định bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 08/2020/KDTM-ST ngày 04/12/2020 của Tòa án nhân dân **huyện X**, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về phần tiền liên quan đến kê tử trưng bày rượu và phần án phí dân sự sơ thẩm liên quan.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 3 Điều 38, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 296, các Điều 270, 271, 293, 147, 148, 313; Điều 91, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50, khoản 1 Điều 55, Điều 166, Điều 169, Điều 306, Điều 88, Điều

90, khoản 7 Điều 92, Điều 94, Điều 96 Luật Thương mại; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Bà Nguyễn Thị H** đối với bị đơn **Bà Nguyễn Thị Mai Ph** về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc **Bà Nguyễn Thị Mai Ph** thanh toán cho **Bà Nguyễn Thị H** 44.500.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), gồm 30.000.000 đồng nợ từ việc mua bán rượu và 14.500.000 đồng lãi chậm thanh toán.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Bà Nguyễn Thị H** đối với yêu cầu đòi **Bà Nguyễn Thị Mai Ph** thanh toán 18.830.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng), gồm 10.000.000 đồng liên quan đến kê tử trung bày rượu và 8.830.000 đồng lãi chậm thanh toán.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Mai Ph nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết, và đã nộp xong.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Miễn án phí cho **Bà Nguyễn Thị H** là người cao tuổi, nên **bà H** được hoàn trả 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0004219 ngày 23/4/2017 và số 0008520 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự **huyện X**.

Bà Nguyễn Thị Mai Ph nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí có giá ngạch.

4. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Hoàn trả cho **Bà Nguyễn Thị Mai Ph** 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự **huyện X**, theo biên lai thu số 0008999 ngày 15/12/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (18/5/2021).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẮ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Tòa án nhân dân **huyện X**;
- Viện Kiểm sát nhân dân **huyện X**;
- Chi cục Thi hành án dân sự **huyện X**;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (3): NV, Tòa Dân sự, hồ sơ.

Trần Minh Bắc

